

A. LANGUAGE FOCUS**I. Circle the word whose underlined part is pronounced differently from the others'.**

1. **A.** student **B.** music **C.** uniform **D.** subject
 2. **A.** blossom **B.** chess **C.** messy **D.** passion

II. Circle the word whose stress pattern is pronounced differently from the others'.

3. **A.** firework **B.** landscape **C.** decorate **D.** behave
 4. **A.** important **B.** beautiful **C.** difficult **D.** excellent

III. Choose the best option to complete the sentences by circle the letter A, B, C or D.

5. Our _____ has a sink, a fridge, a stove and a microwave.
A. living room **B.** hall **C.** bedroom **D.** kitchen
6. Some of her paintings are displayed at the local _____.
A. art gallery **B.** museum **C.** stadium **D.** hospital
7. You _____ speak during the exam. It's forbidden.
A. must **B.** should **C.** mustn't **D.** shouldn't
8. The Vietnamese _____ Tet at different time each year.
A. decorate **B.** celebrate **C.** watch **D.** welcome
9. Turn left at the first traffic lights, and you'll see the supermarket straight _____.
A. away **B.** aside **C.** ahead **D.** again
10. This is _____ notebook.
A. Pat and Sam's **B.** Pat's and Sam's **C.** Pat and Sam' **D.** Pat and Sam

B. LISTENING**I. You are going to hear about a very special friend. Listen and decide whether the following statements are true (T) or false (F).**

11. Daisy has one broken leg.
 12. Daisy uses her wheelchair to go to school.
 13. Daisy is very hard-working.
 14. Daisy is afraid of exams.
 15. Daisy is in the top 5 of the class.

II. Listen to a conversation between Tom and Ha about their neighbourhood. Fill each of the gap with NO MORE THAN THREE WORDS.

	Type	River	Historic buildings	New buildings
Tom's neighbourhood	city	river Tyne	The Castle, Theatre Royal, (17) the	Newcastle (18)

Ha's neighbourhood	(16)		(19) an_____, an ancient well, a large communal house	(20) a
--------------------	------	--	---	--------

C. READING**I. Read the passage and choose the correct answer by circling A, B, or C.****MAI'S SCHOOL**

Hello, my name is Mai. I am 11 years old. I'm studying at a public school called Nguyen Du Secondary school. I am in grade 6. In our class, there are 27 students, 15 girls and 12 boys.

My classroom is big and nice. Our teacher is Ms. Thuy. She likes decorating the walls with posters and maps. In our class, there is a computer and a blackboard.

My desk and my chair are brown. My pencil case is on my desk. It's colourful. I have lots of things in my pencil case: a red sharpener, two pencils, a rubber, three paper clips and a purple pen.

I go to school by bicycle with my friends. We like our school because there are playgrounds, a big gym and a fantastic music room with many instruments.

21. How many boys are there in Mai's class?

A. 27

B. 15

C. 12

D. 11

22. What does Ms. Thuy decorate the walls with?

A. posters and maps

B. posters and balls

C. pictures and balls

D. posters and flowers

23. How many things are there in Mai's pencil case?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

24. Which is NOT in her pencil case?

A. a blue sharpener

B. a pencil

C. paper clips

D. a purple pen

25. Which sentence is TRUE?

A. Mai's classroom is small and nice.

B. There are two computers in her class.

C. There is a music room with lots of posters.

D. Mai cycles to school with her friends.

II. Read the passage and choose the best answer for each blank.

To: tom@quickmail.com

Subject: My bedroom

Hi Tom,

How are you? Now I'll tell you about my bedroom.

My bedroom is small. I have a bed, a (26)_____, a desk, a chair and a lamp. I like music, so I put three posters of famous singers (27)_____ the wall. I usually do my homework on the desk (28)_____ of the big window. My room is my favourite room in the house. It's (29)_____.

What is your (30)_____ room, Tom?

Write to me soon.

Best,

Vy

26. **A.** sink **B.** wardrobe **C.** wardrobes **D.** fridges
 27. **A.** opposite to **B.** front **C.** next **D.** on
 28. **A.** front **B.** in front **C.** opposite **D.** right
 29. **A.** messy **B.** comfortable **C.** dirty **D.** scary
 30. **A.** favourite **B.** like **C.** favour **D.** liking

D. WRITING

I. Rewrite the following sentences, so that the meanings stay the same.

31. Shanghai World Financial Centre is higher than Keangnam Tower.
 → Keangnam Tower _____.
 32. It is wrong of us to throw rubbish onto the river.
 → We mustn't _____.
 33. It's good if children go to bed early.
 → Children should _____.
 34. I like my bedroom best in the house.
 → My _____.
 35. My house has a living room, a kitchen, a bathroom and two bedrooms.
 → There _____.

II. Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences.

36. My friend/ oval face/ has/ and/ straight nose/ a/ an/. /
 → _____.
 37. at/ the moment/ English/ My little brother/ learning/ isn't'./ /
 → _____.
 38. you/ get up/ on/ do/ usually/ What time/ Sunday/?/
 → _____.
 39. Sue/ going/ school/ is/ to/ by / tomorrow/ bus./ /
 → _____.
 40. How/ bicycle/ about/ going/ to/ school /by/?/
 → _____.

HƯỚNG DẪN GIẢI

1. D	7. C	13. T	19. old pagoda	25. D
2. D	8. B	14. F	20. new school	26. B
3. D	9. C	15. F	21. C	27. D
4. A	10. A	16. village	22. A	28. B
5. D	11. F	17. Discovery Museum	23. C	29. B

6. A	12. T	18. City Library	24. A	30. A
------	-------	------------------	-------	-------

31. Keangnam Tower is lower than Shanghai World Financial Centre.
32. We mustn't throw rubbish onto the river.
33. Children should go to bed early.
34. My favourite room in the house is my bedroom.
35. There is a living room, a kitchen, a bathroom and two bedrooms in my house.
36. My friend has an oval face and a straight nose.
37. My little brother isn't learning English at the moment.
38. What time do you usually get up on Sunday?
39. Sue is going to school by bus tomorrow.
40. How about going to school by bicycle?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. D

Kiến thức: Phát âm nguyên âm “-u”

Giải thích:

- A. student /'stju:dnt/
- B. music /'mju:zɪk/
- C. uniform /'ju:nɪfɔ:m/
- D. subject /'sʌbdʒekt/

Phân gạch chân đáp án D được phát âm là /ʌ/, còn lại là /ju:/.
Chọn D.

2. D

Kiến thức: Phát âm “-ss”

Giải thích:

- A. blossom /'blɒsəm/
- B. chess /tʃes/
- C. messy /'mesi/
- D. passion /'pæʃn/

Phân gạch chân đáp án D được phát âm là /ʃ/, còn lại là /s/.
Chọn D.

3. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 2, 3 âm tiết

Giải thích:

- A. firework /'faɪəwɜ:k/
- B. landscape /'lændskeɪp/
- C. decorate /'dekəreɪt/
- D. behave /bɪ'heɪv/

Trọng âm đáp án D rơi vào âm thứ 2, còn lại là âm nhất.
Chọn D.

4. A

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết

Giải thích:

- A. important /im'pɔ:tnt/
- B. beautiful /'bju:tɪfl/
- C. difficult /'dɪfɪkəlt/
- D. excellent /'eksələnt/

Trọng âm đáp án A rơi vào âm thứ 2, còn lại là âm nhất.

Chọn A.

5. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. living room: phòng khách
- B. hall (n): sảnh
- C. bedroom (n): phòng ngủ
- D. kitchen (n): phòng bếp

Tạm dịch: Nhà bếp của chúng tôi có bồn rửa, tủ lạnh, bếp nấu và lò vi sóng.

Chọn D.

6. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. art gallery: phòng trưng bày nghệ thuật
- B. museum (n): bảo tàng
- C. stadium (n): sân vận động
- D. hospital (n): bệnh viện

Tạm dịch: Một số bức tranh của cô được trưng bày tại phòng trưng bày nghệ thuật địa phương.

Chọn A.

7. C

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

- A. must + V(nguyên thể): phải làm gì
- B. should + V(nguyên thể): nên làm gì
- C. mustn't + V(nguyên thể): cấm làm gì
- D. shouldn't + V(nguyên thể): không nên làm gì

Tạm dịch: Bạn không được nói trong khi kiểm tra. Nó bị cấm.

Chọn C.

8. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. decorate (v): trang trí
- B. celebrate (v): ăn mừng, làm kỷ niệm
- C. watch (v): xem
- D. welcome (v): chào mừng

Tạm dịch: Mỗi năm, người Việt lại đón Tết vào những thời điểm khác nhau.

Chọn B.

9. C

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

A. away: xa

B. aside: sang một bên

C. ahead: phía trước

D. again: một lần nữa

Tạm dịch: Rẽ trái ở đèn giao thông đầu tiên và bạn sẽ thấy siêu thị ngay phía trước.

Chọn C.

10. A

Kiến thức: Tính từ sở hữu

Giải thích:

Nếu vật hay người thuộc về hai danh từ nối nhau bằng chữ “and” chỉ thêm ’s cho danh từ thứ hai.

Tạm dịch: Đây là sổ ghi chép của Pat và Sam.

Chọn A.

11. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Daisy bị gãy một chân.

Đáp án: F

12. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Daisy dùng xe lăn để đến trường.

Đáp án: T

13. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Daisy rất chăm chỉ.

Đáp án: T

14. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Daisy sợ các kỳ thi.

Đáp án: F

15. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Daisy nằm trong top 5 của lớp.

Đáp án: F

16. village**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:** Khu phố của Hà, Loại (16): _____**Đáp án:** village**17. Discovery Museum****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Khu phố của Tom

Tòa nhà lịch sử

Lâu đài, Nhà hát Hoàng gia, (17) _____

Đáp án: Discovery Museum**18. City Library Kiến****thức:** Nghe hiểu **Giải****thích:**

Khu phố của Tom

Tòa nhà mới: Newcastle (18) _____

Đáp án: City Library**19. old pagoda****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Khu phố của Hà

Tòa nhà lịch sử: (19) một _____, một cái giếng cổ, một ngôi đình lớn

Đáp án: old pagoda**20. new school****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Khu phố của Tom

Tòa nhà mới: (20) một _____,

Đáp án: new school.**21. C****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Có bao nhiêu nam sinh trong lớp của Mai?

A. 27**B.** 15**C.** 12**D.** 11**Thông tin:** In our class, there are 27 students, 15 girls and 12 boys.

(Trong lớp tớ có 27 học sinh, 15 nữ và 12 nam.)

Chọn C.

22. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Cô Thủy trang trí tường bằng gì?

A. áp phích và bản đồ

B. áp phích và quả bóng

C. tranh và quả bóng

D. áp phích và hoa

Thông tin: She likes decorating the walls with posters and maps.

(Cô ấy thích trang trí các bức tường bằng áp phích và bản đồ.)

Chọn A.

23. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Có bao nhiêu thứ trong hộp đựng bút chì của Mai?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Thông tin: I have lots of things in my pencil case: a red sharpener, two pencils, a rubber, three paper clips and a purple pen.

(Tôi có rất nhiều thứ trong hộp bút chì của mình: một cái gọt bút màu đỏ, hai cái bút chì, một cục tẩy, ba cái kẹp giấy và một cái bút màu tím.)

Chọn C.

24. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Cái nào KHÔNG có trong hộp bút chì của cô ấy?

A. cái gọt màu xanh lam

B. cái bút chì

C. cái kẹp giấy

D. cái bút màu tím

Thông tin: I have lots of things in my pencil case: a red sharpener, two pencils, a rubber, three paper clips and a purple pen.

(Tôi có rất nhiều thứ trong hộp bút chì của mình: một cái gọt bút màu đỏ, hai cái bút chì, một cục tẩy, ba cái kẹp giấy và một cái bút màu tím.)

Chọn A.

25. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Câu nào là đúng?

- A. Phòng học của Mai nhỏ và đẹp.
- B. Có hai máy tính trong lớp của cô ấy.
- C. Có một phòng âm nhạc với rất nhiều áp phích.
- D. Mai đạp xe đến trường với các bạn của cô ấy. **Thông**

tin: I go to school by bicycle with my friends. (Tớ đi học bằng xe đạp với các bạn.)

Chọn D.

Dịch bài đọc:

Nội dung dịch:

TRƯỜNG HỌC CỦA MAI

Xin chào, tớ tên là Mai. Tớ 11 tuổi. Tớ đang học tại một trường công lập - THCS Nguyễn Du. Tớ học lớp 6. Trong lớp tớ có 27 học sinh, 15 nữ và 12 nam.

Phòng học của tớ rộng và đẹp. Cô giáo của chúng tớ là cô Thủy. Cô ấy thích trang trí các bức tường bằng áp phích và bản đồ. Trong lớp học của chúng tớ, có một máy tính và một bảng đen.

Bàn và ghế màu nâu. Hộp đựng bút chì của tớ ở trên bàn. Nó nhiều màu sắc. Tớ có rất nhiều thứ trong hộp bút chì của mình: một cái gọt bút màu đỏ, hai cái bút chì, một cục tẩy, ba cái kẹp giấy và một cái bút màu tím. Tớ đi học bằng xe đạp với các bạn. Chúng tớ thích trường học của mình vì có sân chơi, phòng tập thể dục lớn và phòng âm nhạc tuyệt vời với nhiều nhạc cụ.

26. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. sink (n): chiếc bồn rửa
- B. wardrobe (n): tủ quần áo
- C. wardrobes (n): những chiếc tủ quần áo
- D. fridges (n): những chiếc tủ lạnh

I have a bed, a (21) **wardrobe**, a desk, a chair and a lamp.

(Tôi có một cái giường, một tủ quần áo, một cái bàn, một cái ghế và một cái đèn.)

Chọn B.

27. D

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

- A. opposite to: đối diện
- B. front: phía trước
- C. next: bên cạnh
- D. on: trên, ở trên

I like music, so I put three posters of famous singers (22) **on** the wall.

(Tôi thích âm nhạc, vì vậy tôi đã dán ba tấm áp phích của các ca sĩ nổi tiếng trên tường.)

Chọn D.

28. B

Kiến thức: Giới từ**Giải thích:**

- A. front: phía trước
- B. in front of: phía trước
- C. opposite to: đối diện
- D. right: bên phải

I usually do my homework on the desk (23) **in front** of the big window.

(Tôi thường làm bài tập trên bàn trước cửa sổ lớn.)

Chọn B.

29. B

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

- A. messy (adj): lộn xộn
- B. comfortable (adj): thoải mái
- C. dirty (adj): bẩn thỉu
- D. scary (adj): đáng sợ

It's (24) **comfortable**.

(Thật thoải mái.) Chọn

B.

30. A

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

- A. favourite (adj): yêu thích
- B. like (v): thích
- C. favour (n): sở thích
- D. liking: thích

What is your (25) **favourite** room, Tom?

(Phòng yêu thích của bạn là gì, Tom?)

Chọn A.

Gửi: tom@quickmail.com

Tiêu đề: Phòng ngủ của tôi

Chào Tom,

Bạn khỏe không? Bây giờ tôi sẽ kể cho bạn nghe về phòng ngủ của tôi.

Phòng ngủ của tôi nhỏ. Tôi có một cái giường, một tủ quần áo, một cái bàn, một cái ghế và một cái đèn. Tôi thích âm nhạc, vì vậy tôi đã dán ba tấm áp phích của các ca sĩ nổi tiếng trên tường. Tôi thường làm bài tập trên bàn trước cửa sổ lớn. Tôi yêu phòng của tôi nhất trong nhà. Thật thoải mái.

Phòng yêu thích của bạn là gì, Tom?

Trả lời tôi sớm nhé.

Thân ái,

Vy

31.

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích: Công thức so sánh hơn: S + to be + more adj/adj-er than + N/Pronoun.

Tạm dịch: Trung tâm tài chính thế giới Thượng Hải cao hơn tháp Keangnam.

= Tháp Keangnam thấp hơn Trung tâm Tài chính Thế giới Thượng Hải.

Đáp án: is lower than Shanghai World Financial Centre.

32.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích: mustn't + V(nguyên thể): cấm làm gì

Tạm dịch: Việc vứt rác xuống sông là sai.

Đáp án: throw rubbish onto the river.

33.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích: should + V(nguyên thể): nên làm gì

Tạm dịch: Sẽ tốt nếu trẻ đi ngủ sớm.

= Trẻ em nên đi ngủ sớm.

Đáp án: go to bed early

34.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: favourite (adj): yêu thích

Tạm dịch: Tôi thích phòng ngủ của mình nhất trong nhà.

= Căn phòng yêu thích của tôi trong nhà là phòng ngủ của tôi.

Đáp án: My favourite room in the house is my bedroom.

35.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: There is + N(số ít)

Tạm dịch: Căn nhà của tôi có một phòng khách, một nhà bếp, một phòng tắm và hai phòng ngủ.

= Có một phòng khách, một nhà bếp, một phòng tắm và hai phòng ngủ trong nhà của tôi.

Đáp án: is a living room, a kitchen, a bathroom and two bedrooms in my house.

36.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

a + N(số ít)

an + N(số ít, bắt đầu bằng nguyên âm)

Tạm dịch: Bạn tôi có khuôn mặt trái xoan và sống mũi thẳng.

Đáp án: My friend has an oval face and a straight nose.

37.

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Dấu hiệu: at the moment (hiện tại, bây giờ) => thì hiện tại hoàn thành

Thì hiện tại hoàn thành dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

Công thức: S + am/is/are + V-ing.

Tạm dịch: Em trai tôi hiện không học tiếng Anh.

Đáp án: My little brother isn't learning English at the moment.

38.

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Thì hiện tại đơn diễn tả một hành động lặp đi lặp lại ở hiện tại, hoặc một chân lý, sự thật hiển nhiên.

Công thức: S + V(s/es).

Trạng từ chỉ tần suất đứng trước động từ thường.

Tạm dịch: Vào Chủ nhật, bạn thường dậy lúc mấy giờ?

Đáp án: What time do you usually get up on Sunday?

39.

Kiến thức: Cấu trúc “be going to”

Giải thích:

Cấu trúc “be going to” mô tả quyết định hay kế hoạch đã được dự định trong tương lai.

Công thức: S + am/is/are going to V.

Tạm dịch: Sue sẽ đi học bằng xe buýt vào ngày mai.

Đáp án: Sue is going to school by bus tomorrow.

40.

Kiến thức: to V/V-ing

Giải thích: How about + V-ing?: gợi ý ai cùng làm gì

Tạm dịch: Chúng ta đi học bằng xe đạp thì sao nhỉ?

Đáp án: How about going to school by bicycle?